MỤC LỤC

[PHẦN MỞ ĐẦU 1](#_Toc130159262)

[I. ĐẶT VẤN ĐỀ 1](#_Toc130159263)

[II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 2](#_Toc130159264)

[1. Căn cứ Luật 2](#_Toc130159265)

[2. Căn cứ Nghị định 3](#_Toc130159266)

[3. Căn cứ Thông tư 3](#_Toc130159267)

[4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn 4](#_Toc130159268)

[III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN 5](#_Toc130159269)

[CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 6](#_Toc130159270)

[1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ: 6](#_Toc130159271)

[2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THEO MÔ HÌNH TRẠI LẠNH KHÉP KÍN 6](#_Toc130159272)

[2.1. Địa điểm thực hiện dự án 6](#_Toc130159273)

[2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư 6](#_Toc130159274)

[2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường 7](#_Toc130159275)

[2.4. Quy mô của dự án đầu tư: 7](#_Toc130159276)

[3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 7](#_Toc130159277)

[3.1. Công suất của dự án đầu tư: 7](#_Toc130159278)

[3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư: 7](#_Toc130159279)

[3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư: Gà thịt 10](#_Toc130159280)

[4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 10](#_Toc130159281)

[4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của dự án đầu tư 10](#_Toc130159282)

[4.2. Nhu cầu sử dụng điện 13](#_Toc130159283)

[4.3. Nhu cầu sử dụng nước 13](#_Toc130159284)

[5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ 14](#_Toc130159285)

[5.1. Các hạng mục công trình phục vụ dự án 14](#_Toc130159286)

[5.2. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại dự án 15](#_Toc130159287)

[CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 16](#_Toc130159288)

[1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG. 16](#_Toc130159289)

[2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 16](#_Toc130159290)

[2.1. Đối với môi trường nước 16](#_Toc130159291)

[2.2. Đối với môi trường không khí 17](#_Toc130159292)

[2.3. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại 17](#_Toc130159293)

[CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 18](#_Toc130159294)

[1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 18](#_Toc130159295)

[1.1. Thu gom, thoát nước mưa 18](#_Toc130159296)

[1.2. Thu gom, thoát nước thải: 18](#_Toc130159297)

[1.3. Xử lý nước thải: 18](#_Toc130159298)

[2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI 19](#_Toc130159299)

[2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi 19](#_Toc130159300)

[2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác 21](#_Toc130159301)

[3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG 22](#_Toc130159302)

[3.1. Chất thải rắn sinh hoạt 22](#_Toc130159303)

[3.2. Chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi 22](#_Toc130159304)

[4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI 22](#_Toc130159305)

[5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG 23](#_Toc130159306)

[5.1. Các biện pháp kỹ thuật âm học 23](#_Toc130159307)

[5.2. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng 24](#_Toc130159308)

[5.3. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do gà kêu 24](#_Toc130159309)

[6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH. 24](#_Toc130159310)

[6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải 24](#_Toc130159311)

[6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước 24](#_Toc130159312)

[6.1.2. Đối với bể tự hoại và mương sinh học, hệ thống xử lý khí thải 24](#_Toc130159313)

[6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải 25](#_Toc130159314)

[6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ 25](#_Toc130159315)

[6.3. Phòng ngừa dịch bệnh 25](#_Toc130159316)

[6.3.1. Yêu cầu về sát trùng 25](#_Toc130159317)

[6.3.2. Vệ sinh phòng bệnh 25](#_Toc130159318)

[6.3.3. Vệ sinh nguồn nước 26](#_Toc130159319)

[6.3.4. Vệ sinh thức ăn 26](#_Toc130159320)

[6.3.5. Vệ sinh nhân lực 26](#_Toc130159321)

[6.3.6. Vệ sinh dụng cụ, trang bị 26](#_Toc130159322)

[6.3.7. Phát hiện bệnh sớm 26](#_Toc130159323)

[6.3.8. Điều trị bệnh sớm 27](#_Toc130159324)

[6.3.9. Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro 27](#_Toc130159325)

[7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC: Không có. 27](#_Toc130159326)

[8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI 27](#_Toc130159327)

[9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC 27](#_Toc130159328)

[10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG 27](#_Toc130159329)

[CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG 29](#_Toc130159330)

[1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI 29](#_Toc130159331)

[2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI 31](#_Toc130159332)

[3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG 34](#_Toc130159333)

[4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI 35](#_Toc130159334)

[4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh 35](#_Toc130159335)

[4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại 36](#_Toc130159336)

[4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt 36](#_Toc130159337)

[4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại) 37](#_Toc130159338)

[4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại 37](#_Toc130159339)

[CHƯƠNG V: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN 39](#_Toc130159340)

[1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ 39](#_Toc130159341)

[1.1. Xác định công trình xử lý chất thải cần phải vận hành thử nghiệm 39](#_Toc130159342)

[1.2. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải 39](#_Toc130159343)

[1.3. Kế hoạch quan trắc khí thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý khí thải 40](#_Toc130159344)

[2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT 40](#_Toc130159345)

[2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 40](#_Toc130159346)

[2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải 41](#_Toc130159347)

[2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án 42](#_Toc130159348)

[3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM 42](#_Toc130159349)

[CHƯƠNG VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ 43](#_Toc130159350)

[PHỤ LỤC 44](#_Toc130159351)

PHỤ LỤC BẢNG VÀ HÌNH

Bảng 1: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vắc xin tại dự án 11

Bảng 2: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y cho trang trại 11

Bảng 3: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà 12

Bảng 4: Các hạng mục công trình 14

Bảng 5: Danh mục máy móc thiết bị tại dự án 15

Bảng 6: Mô tả các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải 19

Bảng 7: Danh mục và số lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án 22

Bảng 8: Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt 28

Bảng 9: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải sinh hoạt 30

Bảng 10: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải chăn nuôi 31

Bảng 11: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải 33

Bảng 12: Giá trị giới hạn đối với bụi và khí thải tại các nguồn thải 33

Bảng 13: Giá trị giới hạn đối với độ ồn 34

Bảng 14: Giá trị giới hạn đối với độ rung 35

Bảng 15: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh 35

Bảng 16: Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh 35

Bảng 17: Danh mục và số lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án 36

Bảng 18: Kế hoạch vận hành, thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải 39

Bảng 19: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ 41

Bảng 20: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của dự án 42

Hình 1: Sơ đồ quy trình sản xuất 8

Hình 2: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi tại trang trại 20

Hình 3: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương kết hợp lưới lan 20

# PHẦN MỞ ĐẦU

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Dự án “Trạng trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” của ông Phạm Lê Tâm tại ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh được UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 và được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 19/5/2021.

Ngày 21/7/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh ban hành Thông báo số 64/TB-SKHĐT về việc chấm dứt hoạt động dự án Trạng trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 12 tại ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh của Nhà đầu tư Phạm Lê Tâm.

Ngày 09/12/2022, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 6267130765, với quy mô dự án đầu tư như sau:

- Nhà đầu tư Phạm Lê Tâm, nhà đầu tư Huỳnh Thị Kim Hằng và nhà đầu tư Nguyễn Vũ Phương.

- Công suất 128.000 con gà thịt/lứa (6 lứa/năm).

- Diện tích đất sử dụng: 40.725,6 m2

- Vốn đầu tư: 6.000.000.000 đồng.

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, Quy mô dự án đầu tư thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

Căn cứ mục II số thứ tự 5.2.1 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ. Theo đó, dự án chăn nuôi gà công nghiệp hướng thịt với quy mô 128.000 con/lứa (06 lứa/năm), tương đương 640 đơn vị vật nuôi (128.000 con x 2,5 kg)/500.

Căn cứ số thứ tự 16, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án “Trạng trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” của Nhà đầu tư Phạm Lê Tâm – Huỳnh Thị Kim Hằng – Nguyễn Vũ Phương với quy mô 128.000 con/lứa (06 lứa/năm), tương đương 640 đơn vị vật nuôi thuộc loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (cột 4, từ 100 – 1.000 đơn vị vật nuôi).

Căn cứ Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, dự án được phân loại thuộc nhóm II dựa trên tiêu chí về môi trường để phân loại dự án đầu tư theo quy định tại Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, cụ thể: *“Dự án thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất trung bình (cột 4), Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (mục I.1)”.*

Căn cứ khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định đối tượng phải có Giấy phép môi trường: *“Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II, nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải rả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành chính thức”.*

Trên cơ sở các quy định trên, Nhà đầu tư Phạm Lê Tâm – Huỳnh Thị Kim Hằng – Nguyễn Vũ Phương tiến hành lập Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường cho dự án “Trạng trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín”, quy mô 128.000 con/lứa (06 lứa/năm) tại ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh theo mẫu Báo cáo đề xuất tại Phụ lục VIII ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ trình cấp có thẩm quyền thẩm định, cấp phép theo quy định.

II. CĂN CỨ PHÁP LUẬT VÀ KỸ THUẬT THỰC HIỆN GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### 1. Căn cứ Luật

- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 ngày 29/6/2001 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2001.

- Luật Điện lực số 28/2004/QH11 được Quốc hội nước Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa X, kỳ họp thứ 10, thông qua ngày 03/12/2004.

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29/6/2006 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/6/2006.

- Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 21/11/2007.

- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 21/6/2012.

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 29/11/2013.

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18/6/2014.

- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 15/6/2015.

- Luật Thú y số 97/2015/QH13 ngày 19/6/2015 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 19/6/2015.

- Luật Chăn nuôi số 32/2018/QH14 ngày 19/11/2018 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 19/11/2018.

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/6/2020.

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020.

### 2. Căn cứ Nghị định

- Nghị định số 14/2014/NĐ – CP ngày 26/02/2014 của Chỉnh phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

- Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Nghị định số 45/2022/NĐ – CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi.

### 3. Căn cứ Thông tư

- Thông tư số 32/2017/TT – BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ – CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hóa chất.

- Thông tư số 29/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi.

- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư.

- Thông tư số 01/2021/TT – BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng.

- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thị hành Luật Đất đai.

- Thông tư số 10/2021/TT – BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thông tư số 17/2021/TT – BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Thông tư số 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

### 4. Quy chuẩn, tiêu chuẩn

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.

- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 01-15:2010/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học.

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 07 – 2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước.

- QCVN 07 – 5:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện.

- QCVN 62-MT/2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

III. CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ CỦA DỰ ÁN

- Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 13/01/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín tại xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Thông báo số 64/TB-SKHĐT ngày 21/7/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh về việc chấm dứt hoạt động dự án Trạng trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín tại thửa đất số 84, tờ bản đồ số 12 tại ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh của Nhà đầu tư Phạm Lê Tâm.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Mã số dự án: 6267130765 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh chứng nhận lần đầu ngày 09/12/2022.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất.

CHƯƠNG I
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ:

Nhà đầu tư Phạm Lê Tâm – Huỳnh Thị Kim Hằng – Nguyễn Vũ Phương

- Địa chỉ văn phòng (địa chỉ liên hệ): ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Phạm Lê Tâm.

- Điện thoại: 097 709 03 39

- Địa chỉ thường trú: số 534B, đường Lạc Long Quân, KP 5, P 4, TP Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ: TRANG TRẠI CHĂN NUÔI GÀ THEO MÔ HÌNH TRẠI LẠNH KHÉP KÍN

2.1. Địa điểm thực hiện dự án

Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín được bố trí trên các thửa đất số 230, 231, 232 tờ bản đồ số 12 ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh, với tổng diện tích 40.725,6 m2. Khu đất có vị trí tọa độ VN2000 như sau: X = 564227; Y = 1287073.

Khu đất xây dựng dự án có tứ cận như sau:

- Phía Đông và phía Tây: giáp đất của ông Nguyễn Văn Thành.

- Phía Nam: giáp đất Thạnh Bắc 03.

- Phía Bắc: giáp đất của ông Nguyễn Thành Luân.

Vị trị xây dựng Dự án phù hợp với Đề án tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 và QCVN 01-15:2010/BNNPTNT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học được ban hành kèm theo Thông tư số [04/2010/TT-BNNPTNT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-04-2010-tt-bnnptnt-quy-chuan-ky-thuat-quoc-gia-100318.aspx) ngày 15/01/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc tế về điều kiện chăn nuôi lợn, trại chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học, Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi.

### 2.2. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư

Căn cứ khoản 2 Điều 6 Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh thì Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường là UBND tỉnh Tây Ninh.

### 2.3. Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; văn bản thay đổi so với nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 19/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín của ông Phạm Lê Tâm.

### 2.4. Quy mô của dự án đầu tư:

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công, Quy mô dự án đầu tư thuộc nhóm C (dưới 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Dự án với quy mô, công suất 128.000 con/lứa (06 lứa/năm).

### 3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư:

Công nghệ sản xuất của dự án là mô hình chuồng lạnh khép kín, cụ thể như sau:

Gà con một ngày tuổi

Nhập trại

Chăm sóc, nuôi dưỡng

Gà thịt

(từ 2,2 – 2,8kg/con)

Xuất bán

Vệ sinh trại

Nhập trại lứa gà mới

- Nước

- Thuốc sát trùng

- Thức ăn thừa

- Mùi hôi (NH3, H2S,...)

- Mùi thuốc sát trùng

- Bao bì thuốc thú y

- Tiếng ồn

- Gà chết

Chất thải rắn; dư lượng thuốc diệt khuẩn

- Thức ăn, nước uống, sưởi ấm

- Thuốc thú y, vắc xin

- Thuốc sát trùng

- Nước rửa trại sau khi xuất gà

- Phân lẫn thức ăn

- Thuốc sát trùng

- Chất độn trại (trấu)

Kiểm dịch

Kiểm dịch, chọn gà

Hình 1: Sơ đồ quy trình sản xuất

\* *Thuyết minh công nghệ*: Nguyên liệu sử dụng cho hoạt động của trại là gà giống một ngày tuổi. Quy trình công nghệ chăn nuôi được trình bày như sau:

Rải trấu: Rải trấu lên toàn bộ nền trại dày 10 cm và được phun thuốc sát trùng, sau đó thả gà vào. Sau thời gian 7-10 ngày quan sát trên bề mặt trại khi nào thấy phân rải kín (nền trại dơ), ta cào sơ qua lớp mặt đệm lót (lưu ý: khi cào nên dồn gọn gà về từng phía một để tránh gây xáo trộn đàn gà). Sau khi cào lớp mặt xong thì phun đều chế phẩm sinh học để giúp cho đệm lót được tơi xốp, phân hủy nhanh hơn.

Gà giống: Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Việc chọn lựa gà con được tiến hành ngay trong ngày tuổi đầu tiên, do Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam cung cấp. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình 35-40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn.

Nhập trại:

- Gà con được chuyển từ máy ấp vào hộp giấy cứng có kích thước mỗi hộp là 40x60x18cm. Trong mỗi hộp chia làm 4 ngăn nhỏ, mỗi ngăn chứa 25 con gà.

- Trước khi nhập gà về, trại nuôi và các thiết bị sẽ được khử trùng kỹ trước khi nhập lứa mới vào nuôi. Gà sẽ được kiểm tra kỹ tình trạng sức khỏe đàn gà để khẳng định gà chuyển về đang khỏe mạnh.

- Gà sau khi được nhập về trang trại sẽ được nuôi trong điều kiện khép kín, đảm bảo nhiệt độ, nguồn nước và thức ăn. Đồng thời, trong mỗi dãy trại nuôi được trang bị các vách ngăn di động, các vách ngăn được điều chỉnh phù hợp với không gian cần thiết cho đàn gà theo từng giai đoạn. Sau đó, kéo rèm che kín trại, bật đèn sưởi ấm trong quay úm khoảng 2 giờ nếu thời tiết ngoài trời lạnh. Khi thả gà vào quay phải kiểm tra lại số lượng con sống và con chết. Loại bỏ những con chết và gà không đạt tiêu chuẩn ra khỏi trại.

- Cho gà nghỉ ngơi 10-20 phút rồi cho gà uống nước có pha 50g glucose với 1g vitamin C/3 lít nước để chống stress cho gà. Nước uống phải đảm bảo sạch và có độ ấm của nước từ 16-200C. Nước uống cho gà 3-4 ngày đầu sẽ pha thêm kháng sinh Tetracyclin với tỷ lệ 0,5g/l hoặc Colistin tỷ lệ 0,1g/l và vitamin C tỷ lệ 100-150mg/l.

Trong giai đoạn gà từ 1 ngày đến 14 ngày tuổi do hệ tiêu hóa và hô hấp chưa hoàn thiện, sức đề kháng kém, gà con dễ bị nhiễm bệnh. Để đàn gà sinh trưởng phát triển tốt có tỷ lệ sống cao cần thực hiện úm gà con. Kỹ thuật úm gà con như sau:

- Dùng chụp úm gà bằng điện để sưởi ấm cho gà, quay gà gần dưới chụp sưởi để giữ nhiệt và đảm bảo nhiệt độ (tuần đầu: 32 - 340C; tuần 2: 29 - 300C; tuần 3: 26 - 270C; tuần 4 22 - 250C). Đồng thời, quan sát phản ứng của gà đối với nhiệt độ điều chỉnh cho phù hợp. Nhiệt độ vừa phải: gà phân bố đều, đi lại, ăn uống bình thường. Nhiệt độ thấp: gà tập trung lại gần nguồn nhiệt, đứng co ro, run rẩy. Nhiệt độ cao: gà tản ra xa nguồn nhiệt, nằm há mỏ, thở mạnh, uống nhiều nước.

- Gà nhập về được thả trên nền bê tông có lớp trấu dày khoảng 10 cm. Sau 5 – 7 ngày với gà nuôi úm, 2 – 3 ngày với gà nuôi thịt, tiến hành cào đảo nhẹ lớp mặt đệm lót sâu 1-3cm. Trong quá trình cào trên bề mặt đệm lót không được cào sâu xuống sát nền trại. Gà giống sẽ được nhập về theo từng đợt cho mỗi trại, khoảng cách giữa các đợt nhập không quá một tuần.

Chăm sóc, nuôi dưỡng: Trong quá trình nuôi từ lúc mới thả gà đến lúc gà trưởng thành và xuất trại, nhân viên của Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam sẽ theo sát quá trình nuôi và có những hướng dẫn cụ thể cho chủ trang trại và những công nhân tham gia trực tiếp trong quá trình chăn nuôi. Mọi sự cố phát sinh sẽ do những nhân viên phụ trách này trực tiếp hướng dẫn khắc phục. Các bước chăm sóc, nuôi dưỡng được thực hiện như sau:

- Gà được nuôi theo quy trình kỹ thuật chăn nuôi trại lạnh khép kín với nhiệt độ trong nhà nuôi gà luôn được giữ ở mức từ 230C đến 300C, trung bình là khoảng 270C.

- Cung cấp thức ăn: Cám sẽ được phân phối đến các máng ăn. Khi nguồn thức ăn trong máng ăn bị giảm xuống thì tiếp tục thêm thức ăn vào. Lượng thức ăn cung cấp hàng ngày cho gà sẽ được tính toán sao cho vừa đủ nhu cầu của gà trong từng giai đoạn phát triển để tránh tình trạng thức ăn dư thừa rơi vải xuống sàn gây mùi hôi thối. Gà cần được ăn liên tục, suốt ngày đêm để nhanh xuất trại. Mỗi ngày đổ và đảo thức ăn kích thích gà ăn ít nhất 4 lần gồm buổi sáng, trưa, chiều và 10 giờ đêm để gà được ăn suốt đêm. Trong quá trình nuôi nên chú ý phát hiện sớm gà bị què, bệt chân, yếu để kịp thời tách ra nuôi riêng, chăm sóc tốt, để chúng lớn kịp theo đàn.

- Cung cấp nước uống: Nguồn nước cho gà uống cũng được cung cấp tự động, khi nguồn nước trong máng bị giảm xuống thì hệ thống sẽ tự động bơm thêm nước vào máng uống nhằm đảm bảo đủ nguồn nước uống cho gà. Các núm uống cảm ứng sẽ hạn chế được tình trạng nước đổ xuống sàn. Trong trường hợp cần cho gà uống vắc xin hoặc thuốc thú y thì sẽ được pha chung với nước.

- Sử dụng vắc xin cho gà: Loại và thời điểm sử dụng vắc xin được xem xét sao cho đảm bảo tuyệt đối an toàn cho đàn gà dựa trên lịch dùng chung và lịch điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện cụ thể của khu vực.

- Trong quá trình nuôi, nguồn phát sinh nhiệt thừa, mùi trong trại từ quá trình thông tản gió, ngoài ra lượng chất thải rắn từ bao bì đựng thực phẩm và cá thể gà không đạt yêu cầu phát sinh, do đó chủ trang trại sẽ thường xuyên phun thuốc khử trùng, khử mùi quanh các trại nuôi, các phương tiện ra vào khu vực nuôi cũng cần khử trùng khi ra vào khu vực nuôi. Riêng đối với công nhân trực tiếp nuôi khi vào trại phải mang giày và quần áo bảo hộ đúng quy định, tất cả phải được khử trùng khi vào trại nuôi.

- Xuất trại: Gà được nuôi trong một lứa với khoảng thời gian 45 ngày đạt được trọng lượng 2,2 - 2,8kg thì sẽ xuất trại, mỗi năm trang trại nuôi 6 lứa gà thịt. Trước khi gà xuất trại được kiểm dịch, sau đó được đưa ra thị trường tiêu thụ.

- Vệ sinh trang trại: Sau khi gà xuất trại, phân gà cùng trấu lót sẽ được xử lý các mầm bệnh bằng chế phẩm sinh học. Sau đó, được thu gom đóng bao loại 50kg và bán cho đơn vị có nhu cầu làm phân bón. Sau khi thu gom, phân gà còn sót trong trại nuôi sẽ được rửa sạch, mỗi lứa nuôi trang trại sẽ xuất gà trong 8 ngày (1 ngày xuất 1 trại), lượng nước vệ sinh của trại khoảng 1m2/trại/ngày (tương đương 8 m3/lứa nuôi). Do đó sau 02 dãy trại nuôi, chủ dự án sẽ xây dựng bể chứa 3 ngăn để xử lý nước thải, nước thải sau đó sẽ dẫn vào mương sinh học để tiếp tục xử lý. Trại nuôi sẽ được dọn dẹp sạch sẽ, nền trại được phun khử trùng toàn bộ khu vực nuôi bằng dung dịch formal 2%. Sau đó, trại nuôi sẽ được để trống khoảng 6 – 7 ngày để chờ nuôi đợt tiếp theo.

### 3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư: Gà thịt

4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, PHẾ LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Nguyên vật liệu phục vụ của dự án đầu tư

*a) Nhu cầu về con giống*

Gà giống một ngày tuổi được kiểm dịch, lựa chọn trước khi được đưa về chăn nuôi. Việc chọn lựa gà con được tiến hành ngay trong ngày tuổi đầu tiên. Chọn gà con mới nở có trọng lượng trung bình 35-40g (bằng 65% trọng lượng trứng khi đưa vào máy ấp), nhanh nhẹn, mắt sáng, lông bông, bụng gọn

Nhu cầu về con giống là 128.000 con/lứa. Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam là đơn vị cung cấp hoàn toàn con giống đầu vào cho dự án.

*b) Nhu cầu về thức ăn*

Gà là động vật có thức ăn chính là hạt ngũ cốc, tuy nhiên trong chăn nuôi công nghiệp để mang lại hiệu quả cao, trại nuôi sẽ cung cấp thức ăn cho gà là các loại thức ăn công nghiệp.

Nhu cầu thức ăn cung cấp cho gà từ lúc mới thả cho đến khi đạt chỉ tiêu xuất chuồng, lượng thức ăn được quy định khoảng 4,75 kg thức ăn/lứa nuôi (45 ngày). Như vậy, lượng thức ăn cho 01 lứa nuôi gà là: 128.000 con x 4,75 kg/con = 608 tấn/lứa (tương đương 13,5 tấn/ngày).

*c) Nhu cầu về hóa chất, vắc xin, thuốc thú y, vitamin:*

- Nhu cầu vắc xin, thuốc thú y: Thuốc thú y, vắc xin trong chăn nuôi có một vai trò hết sức quan trọng để đảm bảo an toàn cho con giống. Toàn bộ lượng thú y, vắc xin, vitamin,…cho con giống được Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam cung cấp. Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y tại trạng trại cụ thể như sau:

Bảng 1: Nhu cầu sử dụng thuốc thú y, vắc xin tại dự án

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên thuốc | Định mức | Khối lượng |
| 1 | Newcastle | 1 liều/con | 120.000 liều |
| 2 | Gumboro | 1 liều/con | 120.000 liều |
| 3 | Cúm H5N1 | 1 liều/con | 120.000 liều |
| 4 | Tụ huyết trùng gà | 1 liều/con | 120.000 liều |
| 5 | Đậu gà | 1 liều/con | 120.000 liều |

Bảng 2: Định mức về nhu cầu sử dụng thuốc thú y cho trang trại

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Ngày tuổi | Loại vắc xin | Cách sử dụng | Mục đích sử dụng |
| Ngày 1 - 2 | Newcastle chủng F (lần 1) | Nhỏ mắt, mũi hoặc phun | Phòng bệnh gà rù Newcastle |
| Ngày 3 | Gumboro (lần 1) | Cho uống từng con | Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro |
| Ngày 7 | Đậu gà | Chủng màng cánh | Phòng bệnh đậu gà |
| Ngày 10 | Gumboro (lần 2) | Cho uống trực tiếp hoặc pha vào nước uống | Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro |
| Ngày 15 | Cúm H5N1 | Tiêm | Phòng bệnh cúm gia cầm |
| Ngày 20 | Tụ huyết trùng | Tiêm | Phòng bệnh tụ huyết trùng |
| Ngày 25 | Gumboro (lần 3) | Pha nước uống | Phòng bệnh truyền nhiễm Gumboro |
| Ngày 28 | Newcastle chủng F (lần 2) | Nhỏ mắt, mũi hoặc phun | Phòng bệnh gà rù Newcastle |

- Nhu cầu bổ sung vitamin: Vitamin và khoáng chất vào nước uống, thức ăn để cung cấp các chất dinh dưỡng thiết yếu cho gà để giảm thiết bệnh tật và giúp đàn gà phát triển nhanh. Định mức sử dụng vitamin cụ thể trong bảng sau:

Bảng 3: Định mức về nhu cầu sử dụng vitamin cho gà

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Vitamin | Đơn vị tính | Định mức |
| 1 | Vitamin A  | IU/kg | 7.000 – 10.000 |
| 2 | Vitamin D3 | IU/kg | 1.500 – 2.500 |
| 3 | Vitamin E | mg/kg | 20 - 30 |
| 4 | Vitamin K3 | mg/kg | 1 - 3 |
| 5 | Vitamin B1 | mg/kg | 1,0 – 2,5 |
| 6 | Vitamin B2 | mg/kg | 4 - 7 |
| 7 | Vitamin B6 | mg/kg | 2,5 – 5,0 |
| 8 | Vitamin B12 | mg/kg | 0,015 – 0,025 |
| 9 | Niacin | mg/kg | 25 - 40 |
| 10 | Pantothenic acid | mg/kg | 9 - 11 |
| 11 | Folic acid | mg/kg | 0,8 – 1,2 |
| 12 | Biotin | mg/kg | 0,10 – 0,15 |
| 13 | Vitamin C | mg/kg | 100 - 150 |
| 14 | Choline | mg/kg | 200 – 400 |

- Nhu cầu về thuốc sát trùng: Thuốc sát trùng sử dụng do Công ty Cổ phần Emivest Feedmill Việt Nam cung cấp chủ yếu là Omicide và vôi bột. Thuốc sát trùng sau khi được cung cấp sẽ được pha loãng với nước và phun khử trùng thường xuyên tại khu vực cổng ra – vào của dự án, vệ sinh trại nuôi sau khi thu hoạch, phun xung quanh và bên trong trang trại để diệt khuẩn. Nhu cầu sử dụng thuốc sát trùng tại dự án ước tính như sau:

+ Omicide: 190 lít/lứa nuôi

+ Vôi bột: 1.000 kg/lứa nuôi

+ Formol 2%: 1.464 lít/lứa nuôi

+ Chế phẩm vi sinh khử mùi EM: 1.40 0lít/lứa nuôi.

+ Men vi sinh: 100 kg/lứa nuôi.

+ NaOH: 400 kg/lứa nuôi.

+ TH4 0,5 – 2%: 100 lít/ lứa nuôi.

- Nhu cầu sử dụng trấu: Trấu được sử dụng làm đệm lót sinh học trong quá trình chăn nuôi, khối lượng sử dụng khoảng 80 tấn/lứa.

- Nhu cầu sử dụng gas: 22 bình gas loại lớn để úm gà cho mỗi lứa nuôi.

- Dầu DO sử dụng cho máy phát điện dự phòng, ước tính khoảng 100 lít/tháng.

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện tại dự án chủ yếu phục vụ cho các mục đích chiếu sáng trại nuôi, sinh hoạt, hoạt động bơm nước,…Tổng nhu cầu sử dụng điện khoảng 10.000 KWh/tháng.

Nguồn cung cấp điện: Điện lưới quốc gia. Để đảm bảo nguồn điện cho trại nuôi, chủ dự án lắp đặt 02 máy phát điện dự phòng công suất 350 KVA để đề phòng khi mất điện.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

- Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt: Trại có tổng cộng 16 công nhân viên (căn cứ theo TCXDVN 33:2006 của Bộ Xây dựng năm 2006 về việc cấp nước – mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế, nước dùng sinh hoạt cho nhân viên tại trang trại là 100 lít/người/ngày): 16 người x 100 lít/người = 1,6 m3/ngày.đêm.

- Nhu cầu cấp nước phục vụ hoạt động chăn nuôi: Nước sử dụng chủ yếu cho cung cấp nước uống cho gà, nước rửa trại nuôi.

+ Lượng nước cung cấp cho gà uống: Căn cứ nhu cầu thực tế, lượng nước gà uống trung bình: 0,19 lít/con (0,19 lít/ngày.đêm x 128.000 con gà = 24,32 m3/ngày.đêm).

+ Lượng nước dùng rửa trại nuôi: Trong quá trình chăn nuôi, trung bình mỗi đợt sẽ xuất 1 dãy trại, thời gian dọn dẹp vệ sinh và giãn cách là 15 ngày (thời gian dọn dẹp là 4 – 5 ngày và thời gian để thoáng trại trước khi nhập lứa mới là 6 – 7 ngày tiếp theo). Quá trình vệ sinh trại nuôi chủ yếu là việc rửa trại, dọn phân trấu lót trại và công tác chuẩn bị trước khi thả lứa mới. Chủ dự án lắp đặt các vòi xịt rửa cao áp tại khu vực trại nuôi, lượng nước vệ sinh trại nuôi mỗi lứa xuất trại là 1 m3  (1 m3/dãy chuồng x 8 chuồng = 8,0 m3/lứa nuôi (tương đương 0,1 m3/ngày.đêm)).

+ Nước cấp hệ thống phun sương khử mùi sau quạt hút: 08 chuồng x 0,1 m3/ngày.đêm = 0,8 m3/ngày.đêm.

+ Lượng nước dùng làm mát: Lượng nước này chiếm khoảng 08 m3/ngày.đêm (tương đương 8,0 m3/ngày.đêm/dãy trại) với mục đích làm mát cho tất cả các trại. Lượng này được sử dụng tuần hoàn, không thải ra ngoài.

+ Lượng nước dùng trong khâu vệ sinh: chủ yếu phục vụ trong khâu vệ sinh khử trùng xe ra vào trại, quần áo, tay chân, giày dép, dụng cụ máng ăn hàng ngày: 2,0 m3/ngày.đêm

- Nước tưới cây xanh, đường nội bộ: 2,0 m3/ngày

Như vậy, tổng nhu cầu dùng nước cho sinh hoạt và chăn nuôi của dự án là 46,72 m3/ngày.đêm.

- Nước dùng cho phòng cháy chữa cháy: Lượng nước dự trữ cấp cho một hoạt động chữa cháy được tính cho một đám cháy trong 02 giờ liên tục với lưu lượng 10 lít/giây/đám cháy.

Qcc = 10 lít/giây x 2 giờ x 3.600 giây/giờ = 72.000 lít ~ 72 m3.

- Nguồn cung cấp nước: Sử dụng nước từ 04 giếng khoan để cung cấp nước sinh hoạt và chăn nuôi của dự án.

## 5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5.1. Các hạng mục công trình phục vụ dự án

Tổng diện tích khu đất là 40.725,6m2, các hạng mục công trình được thể hiện ở bảng sau:

###### Bảng 4: Các hạng mục công trình

| STT | Hạng mục công trình | Số lượng | Kích thước (m) | Diện tích (m2) | Tỷ lệ (%) |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Dãy chuồng nuôi  | 08 | 14 x 120 | 13.440 | 33 |
| 2 | Kho chứa cám, dụng cụ | 08 | 14 x 5 | 560 | 1,38 |
| 3 | Nhà bảo vệ | 01 | 2,5 x 2,5 | 6,25 | 0,02 |
| 4 | Nhà sát trùng xe | 01 | 4,5 x 12 | 54 | 0,13 |
| 5 | Nhà kho thông thường | 01 | 3 x 5 | 15 | 0,04 |
| 6 | Nhà sát trùng người | 01 | 8,2 x 1,75 | 14,35 | 0,04 |
| 7 | Nhà để xe | 01 | 10 x 6 | 60 | 0,15 |
| 8 | Nhà điều hành | 01 | 8,2 x 5 | 41 | 0,1 |
| 9 | Nhà ở công nhân | 01 | 6 x 8 | 48 | 0,71 |
| 10 | Tháp nước | 01 | 2 x 2,5 | 5 | 0,01 |
| 11 | Nhà đặt máy phát điện | 01 | 5 x 4 | 20 | 0,05 |
| 12 | Trạm điện | 01 | 2 x 5 | 10 | 0,025 |
| 13 | Bể nước cho gà uống | 01 | 5 x 5,4 | 27 | 0,07 |
| 14 | Kho chứa chất thải nguy hại | 01 | 2 x 2,5  | 5 | 0,01 |
| 15 | Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt | 01 | 12,8 x 1 x 1,2 | 12,8 | 0,03 |
| 16 | Mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt | 01 | 1,6 x 1 x 1,2 | 1,6 | 0,004 |
| 17 | Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải rửa chuồng gà | 04 | 3,2 x 1 x 1,2 | 12,8 | 0,03 |
| 18 | Mương sinh học xử lý nước thải vệ sinh chuồng trại | 04 | 3,2 x 1 x 1,2 | 12,8 | 0,03 |
| 19 | Hố chôn gà chết không do dịch bệnh | 01 | 4 x 3 x 1 | 12 | 0,029 |
| 20 | Khu đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh | 01 | 10 x 20 | 200 | 0,49 |
| 21 | Buồng xử lý khí thải  | 08 | 5 x 14 | 560 | 1,38 |
| 22 | Thảm xanh | -- | -- | 13.746 | 33,8 |
| 23 | Đường nội bộ, sân bãi,.. | -- | -- | 11.862 | 29,13 |
|  | Tổng |  |  | 40.725,6 | 100 |

### 5.2. Danh mục thiết bị máy móc đầu tư tại dự án

###### Chủ dự án đầu tư một số máy móc, thiết bị phục vụ cho hoạt động của dự án, như sau:

###### Bảng 5: Danh mục máy móc thiết bị tại dự án

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên máy móc thiết bị | Số lượng | Đơn vị tính | Tình trạng | Xuất xứ |
| 1 | Máy phát điện dự phòng | 02 | Cái | Mới 100% | Hàn Quốc |
| 2 | Máng ăn tự động | 08 | Hệ thống | Mới 100% | Đức |
| 3 | Quạt hút công nghiệp | 100 | Cái | Mới 100% | Đức |
| 4 | Cân | 02 | Cái | Mới 100% | Việt Nam |
| 5 | Hệ thống làm mát | 08 | Hệ thống | Mới 100% | Đức |
| 6 | Máy bơm nước | 02 | Cái | Mới 100% | Việt Nam |
| 7 | Máy nén áp lực | 04 | Cái | Mới 100% | Đức |
| 8 | Máy pha thuốc tự động | 08 | Cái | Mới 100% | Đức |
| 9 | Máy phun thuốc sát trùng | 02 | Cái | Mới 100% | Việt Nam |
| 10 | Trạm biến áp | 01 | Trạm | Mới 100% | Việt Nam |
| 11 | Máng uống nước tự động | 08 | Hệ thống | Mới 100% | Đức |
| 12 | Silo cám | 08 | Cái | Mới 100% | Việt Nam |
| 13 | Hệ thống úm gà | 08 | Hệ thống | Mới 100% | Đức |

#

# CHƯƠNG IISỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH,KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG.

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Hiện nay, tỉnh Tây Ninh chưa có quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh cũng như thực hiện phân vùng môi trường.

Vị trí thực hiện dự án “Trạng trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” tại ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 19/5/2021, không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt cũng như hạn chế phát thải.

Như vậy, Dự án “Trạng trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Tây Ninh nói chung và của dự án nói riêng, góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, ổn định cuộc sống cho người dân xung quanh dự án. Và dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

**2.1. Đối với môi trường nước**

 Nước thải sinh hoạt: Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án chủ yếu của công nhân làm việc tại trang trại với lưu lượng khoảng 1,6 m3/ngày.đêm, sẽ được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học, để tiếp tục xử lý; phía trên phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định. Nước trong mương sinh học một phần sẽ tự bốc hơi, một phần được tận dụng để tưới cây trong trang trại.

Nước thải chăn nuôi: Sau mỗi lứa xuất gà sẽ tiến hành vệ sinh ngay chuồng trại, do đó tổng lưu lượng nước thải phát sinh lớn nhất trong một ngày khoảng: 1 m3/ngày.đêm (do xuất gà từng chuồng 01 theo dạng cuốn chiếu nên vệ sinh chuồng trại cũng theo dạng cuốn chiếu).

Chủ dự án đầu tư xây dựng bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải mỗi dãy chuồng. Nước thải sau đó được đưa về mương sinh học; phía trên phủ một lớp đất trồng cỏ, phía dưới trong mương sinh học sẽ đặt các lớp vật liệu lắng lọc như cát, sỏi, than để xử lý nước thải đảm bảo đạt quy chuẩn theo quy định. Nước trong mương sinh học một phần sẽ tự bốc hơi, một phần được tận dụng để tưới cây trong trang trại.

Như vậy, với quy mô hoạt động của trang trại theo mô hình trại lạnh khép kín thì lượng nước thải chăn nuôi phát sinh rất ít, chỉ phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại vào cuối mỗi đợt nuôi và không thải ra sông suối xung quanh dự án.

**2.2. Đối với môi trường không khí**

Với đặc thù của dự án là chăn nuôi gà nên trong quá trình chăn nuôi sẽ phát sinh khí thải và mùi hôi, khí thải phát sinh trong khu vực trại nuôi gà chủ yếu là các khí thải gây mùi hôi như H­­2S, NH3 và các chất gây mùi hôi thối như mercaptan,...từ quá trình phân giải các chất như protein, lipit,... trong chất thải chăn nuôi bởi các vi sinh vật kỵ khí. Mùi hôi phát sinh từ hệ thống quạt hút trao đổi không khí phía trong và bên ngoài các dãy trại nuôi nhằm thông thoáng môi trường không khí phía trong trại nuôi gà. Quá trình hút, trao đổi không khí sẽ hút thải không khí ô nhiễm (mùi hôi) phía trong trại nuôi ra bên ngoài. Mùi hôi có thể theo gió phân tán gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường không khí tại khu vực và khu vực phía bên ngoài dự án.

Chủ dự án áp dụng chăn nuôi theo phương pháp trại lạnh khép kín nên hạn chế được sự phát tán mùi phát sinh trong quá trình chăn nuôi và được sự hướng dẫn của đơn vị cung cấp con giống ngay từ giai đoạn thiết kế, xây dựng. Chủ dự án bố trí các quạt hút và hệ thống làm mát trong mỗi dãy trại nuôi nhằm thông thoáng cho trại nuôi và trang trại. Phía sau mỗi dãy trại sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút. Mùi hôi và khí thải sẽ được thu gom ra ngoài bằng các quạt hút theo hướng cuối mỗi dãy trại nuôi, chủ dự án bố trí buồng thu gom khí thải, mùi hôi phía sau quạt hút và xử lý đạt quy chuẩn theo quy định.

### 2.3. Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt: chủ yếu là cơm thừa, rau, củ, quả bị hư hỏng,…Được thu gom cho vào các thùng chứa thích hợp. Các thùng chứa được bố trí tại khu vực xung quanh và trong trại. Chủ dự án sẽ thực hiện chôn lấp hợp vệ sinh môi trường, khi khu vực dự án có đơn vị thu gom rác sẽ tiến hành ký hợp đồng thu gom theo đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường (không nguy hại):

+ Bao bì, vỏ chai, thùng carton được thu gom và và bán lại cho đơn vị thu mua có nhu cầu.

+ Chất thải chăn nuôi (phân và trấu): được ủ tại chuồng nuôi và bán lại cho các đơn vị thu mua có nhu cầu.

+ Gà chết không do dịch bệnh được thu gom và chôn lấp hợp vệ sinh. Hố chôn lấp được thiết kế 12 m2.

- Chất thải nguy hại: chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, chai lọ chứa chất nguy hai,…Được thu gom và lưu chứa tại kho chứa chất nguy hại diện tích 5m2. Khu vực lưu trữ, tập kết chất thải rắn nguy hại sẽ được bố trí thuân thủ theo quy định và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

- Bố trí khu đất dự trữ với diện tích 200m2 để xứ lý gà chết do dịch bệnh trong trường hợp xảy ra sự cố dịch bệnh.

# CHƯƠNG IIIKẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁPBẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

**1.1. Thu gom, thoát nước mưa**

Về cơ bản thì nước mưa không phải là nguồn gây ô nhiễm môi trường, nhưng nếu các nguồn gây ô nhiễm phát sinh trong giai đoạn này không được khống chế theo quy định, khi nước mưa rơi xuống khu đất dự án sẽ cuốn theo các chất ô nhiễm ra môi trường nước xung quanh khu vực, có thể gây ngập úng cục bộ và gây ô nhiễm môi trường nước.

Chủ dự án xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng nước thải. Mái nhà, trại nuôi gà được bố trí nghiêng, nước mưa phát sinh từ mái nhà, trại nuôi chảy xuống đất rồi theo địa hình chảy thoát ra ngoài dự án.

**1.2. Thu gom, thoát nước thải:**

*- Đối với nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau khi xử lý được dẫn về mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định. Khi bể tự hoại đầy sẽ thuê đơn vị có chức năng xử lý theo quy định. Nước thải sau bể 3 ngăn được cho chảy qua mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

*- Đối với nước thải chăn nuôi:* Nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh trại được thu gom, dẫn về bể tự hoại 3 ngăn để xử lý, sau đó chảy qua mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

**1.3. Xử lý nước thải:**

*a) Nước thải sinh hoạt*

Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn rồi chảy sang mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

Nước thải sinh hoạt

Bể tự hoại

Mương sinh học

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn. Bể tự hoại 03 ngăn có các chức năng: lắng nước thải, lên men cặn lắng và lọc nước thải sau lắng. Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Hiệu quả xử xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 – 70% và theo BOD5 là 60-65%. Cặn lắng được lưu trong bể từ 3-6 tháng, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy tạo thành khí và các chất vô cơ hòa tan, khí này sẽ thoát ra ngoài bằng lỗ thông hơi. Bùn cặn lên men được hút từ 1-3 năm từ khi bể hoạt động (bể đầy). Cặn lắng được lấy lên làm phân bón cho cây trồng.

Nước thải sau bể 3 ngăn được đưa qua mương sinh học để tiếp tục xử lý. Mương sinh học được thiết kế như sau: đáy chứa sỏi, lớp giữa chứa than hoạt tính, lớp trên chứa cát và trồng cỏ, cây xanh.

*b) Nước thải chăn nuôi*

 Nước thải chăn nuôi được thu gom cho qua bể tự hoại 3 ngăn để xử lý rồi cho chảy sang mương sinh học để tiếp tục xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định. Bố trí mương thu nước thải của 02 chuồng nuôi về chung 1 bể tự hoại 3 ngăn và 1 mương sinh học để xử lý.

Nước thải chăn nuôi

Bể tự hoại

Mương sinh học

Bể tự hoại 03 ngăn có các chức năng: lắng nước thải, lên men cặn lắng và lọc nước thải sau lắng. Nguyên tắc hoạt động của bể tự hoại là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng. Hiệu quả xử xử lý theo chất lơ lửng đạt 65 – 70% và theo BOD5 là 60-65%. Cặn lắng được lưu trong bể từ 3-6 tháng, dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy tạo thành khí và các chất vô cơ hòa tan, khí này sẽ thoát ra ngoài bằng lỗ thông hơi. Bùn cặn lên men được hút từ 1-3 năm từ khi bể hoạt động (bể đầy). Cặn lắng được lấy lên làm phân bón cho cây trồng.

Nước thải sau bể 3 ngăn được đưa qua mương sinh học để tiếp tục xử lý. Mương sinh học được thiết kế như sau: đáy chứa sỏi, lớp giữa chứa than hoạt tính, lớp trên chứa cát và trồng cỏ, cây xanh *(xây dựng mỗi bể tự hoại 3 ngăn để xử lý nước thải vệ sinh chuồng trại cho hai dãy chuồng nuôi).*

**Bảng 6: Mô tả các hạng mục công trình hệ thống xử lý nước thải**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Hạng mục | Thông số kỹ thuật (m) | Số lượng | Đơn vị  |
| 1 | Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt | 12,8 x 1 x 1,2 | 01 | Bể |
| 2 | Mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt | 1,6 x 1 x 1,2 | 01 | Mương |
| 3 | Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải chăn nuôi | 3,2 x 1 x 1,2 | 04 | Bể |
| 4 | Mương sinh học xử lý nước thải chăn nuôi | 3,2 x 1 x 1,2 | 04 | Mương |

2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu mùi

Để hạn chế sự phát sinh các khí gây mùi đến mức thấp nhất có thể được, trại nuôi áp dụng các biện pháp sau:

- Phía sau hệ thống quạt hút của mỗi dãy trại nuôi, chủ dự án xây dựng buồng thu gom xử lý mùi. Cấu tạo của buồng thu gom khí thải, mùi hôi được thiết kế khung thép, vách tôn bao quanh. Phía trên buồng được thiết kế hệ thống phun sương với chế phẩm khử mùi EM nhằm giảm thiểu mùi hôi, làm sạch không khí trước khi thoát ra bên ngoài. Hệ thống xử lý mùi hôi tại trại chăn nuôi như sau:

Mùi hôi

Quạt hút

Buồng thu gom khí

Hệ thống phun sương

Không khí sạch

Nước

Chế phẩm sinh học

Bốc hơi

Hình 2: Sơ đồ xử lý khí thải và mùi hôi tại trang trại

*Hệ thống phun sương khử mùi*

Lưới lan

Chuồng nuôi gà

*Định kỳ phun chế phẩm khử mùi*

Miếng giải nhiệt

Quạt hút

 Không khí sạch bên ngoài Không khí chứa mùi hôi

 Không khí đã được làm mát Không khí đã được khử mùi

Hình 3: Hình ảnh minh họa hệ thống phun sương kết hợp lưới lan

*\* Thuyết minh quy trình:*

Lắp đặt hệ thống quạt hút không khí sau mỗi dãy trại nuôi để xử lý mùi hôi phát sinh tại trang trại. Phía sau hệ thống quạt hút được thiết kế buồng chắn (3 vách) cao hơn quạt hút với kết câu khung thép, vách bằng tôn. Vách chắn này nhằm tạo điều kiện cho không khí sau quạt hút ra ngoài va vào vách chắn và chuyển động theo phương thẳng đứng phát tán lên cao. Phía trên buồng chắn chủ dự án gắn 1 lớp lưới lan và lắp đặt hệ thống phun sương bằng chế phẩm vi sinh khử mùi hôi EM nhằm giảm thiểu nồng độ mùi hôi phát tán ảnh hưởng đến dân cư xung quanh.

- Bố trí công nhân vệ sinh bên ngoài trại thường xuyên, đảm bảo công tác vệ sinh trại sạch sẽ.

- Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các dãy trại 1 lần/tuần. Ngoài ra, 1 tháng/lần thực hiện tổng vệ sinh tiêu độc sát trùng toàn trại.

- Sau mỗi đợt thu hoạch gà, chủ dự án tiến hành tiêu độc khử trùng trại đảm bảo không để các mầm bệnh tồn tại, phát sinh.

- Trại được thiết kế thông thoáng, có hệ thống quạt gió, quạt hút, hệ thống làm mát đảm bảo nhiệt độ ổn định trong trại. Không khí trong trại đảm bảo thông thoáng tránh phát sinh mùi hôi trong khu vực chăn nuôi và xung quanh.

- Khu vực kho chứa nguyên liệu chăn nuôi sẽ được lắp đặt hệ thống quạt hút đảm bảo kho chứa thông thoáng tránh ẩm mốc.

- Trồng cây xanh xung quanh trại nhằm tạo dãy phân cách và tăng vẻ mỹ quan cho trang trại.

2.2. Các biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

*a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ các phương tiện vận chuyển*

- Vệ sinh, thu dọn đất cát trong khuôn viên trại nuôi.

- Phun nước trên tuyến đường nội bộ và xung quanh khu vực trại chăn nuôi vào mùa khô nhằm giảm bụi phát sinh và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào trại.

- Khi các xe lưu thông trong khu vực trại chăn nuôi cần giảm tốc độ.

- Tiến hành bảo dưỡng định kỳ, vận hành đúng trọng tải để giảm thiểu các khí độc hại của các phương tiện này.

- Trồng cây xanh để tránh bụi phát tán nhiều vào không khí. Tán cây xanh dày có thể hấp thụ bức xạ mặt trời, điều hòa các yếu tố vi khí hậu, chống ồn, hấp thụ khói bụi và những hỗn hợp khí như SO2, CO2, hợp chất chứa nito, photpho, các yếu tố vi lượng độc hại khác như Pb, Cu, Fe,…

*b) Khí thải, mùi hôi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT), hệ thống xử lý khí thải*

- Hàng ngày phun xịt chế phẩm sinh học EM xung quanh khu vực HTXLNT, hệ thống xử lý khí thải để khử mùi hôi và diệt ruồi nhặng. Cách phun chế phẩm EM: pha 1 lít EM với 100 lít nước phun cho 200 m2.

- Đảm bảo công tác vệ sinh, thông cống rãnh để tránh hiện tượng cống thoát nước bị nghẹt gây ngập úng cục bộ trong những ngày có mưa, đặc biệt những ngày mưa lớn.

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, khí thải; bảo dưỡng các thiết bị theo quy định, đảm bảo nước thải xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- Bảo trì, bảo dưỡng hệ thống xử lý, duy trì tình trạng hoạt động ổn định và kéo dài tuổi thọ của thiết bị.

*c) Giảm thiểu tác động do khí thải từ máy phát điện dự phòng*

Máy phát điện của trại chăn nuôi chỉ để dự phòng trong trường hợp mạng lưới điện quốc gia xảy ra sự cố, hoặc cắt điện định kỳ nên nguồn ô nhiễm sinh ra từ máy phát điện không thường xuyên, mức độ ảnh hưởng không đáng kể.

3. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG

### 3.1. Chất thải rắn sinh hoạt

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu là thực phẩm dư thừa ở mức từ 65 -70% và phần còn lại là giấy, nilon nhựa. Tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh tại dự án khoảng 4,8kg/ngày

*Hình thức lưu trữ:* Lượng rác thải sinh hoạt sẽ được thu gom và chứa trong những thùng bằng nhựa có nắp đậy được đặt đúng nơi quy định.

*Tần suất thu gom:* 1 ngày/lần

*Biện pháp xử lý:* Thu gom phân loại và chứa trong các thùng rác có nắp đậy và được phân loại: Chất thải có thể tái chế thì bán cho đơn vị có nhu cầu; chất thải không thể tái chế thì chôn lấp hoặc đốt hợp vệ sinh.

**3.2. Chất thải rắn trong quá trình chăn nuôi**

- Phân gà, trấu sau mỗi lứa nuôi: Phát sinh khoảng 800 tấn/lứa (trấu: 80 tấn/lứa; phân: 720 tấn/lứa). Được ủ tại chổ (chuồng nuôi) và được bán cho đơn vị có nhu cầu sử dụng bón cho cây trồng.

- Gà chết do giẫm đạp (không phải do dịch bệnh): khoảng 640 con/lứa. Gà chết được chôn lấp hợp vệ sinh, đảm bảo an toàn sinh học.

- Bao bì đựng thức ăn khoảng 3kg/ngày. Bao bì sẽ được thu gom bán lại cho đơn vị cung cấp thức ăn, hoặc có thể tái sử dụng để chứa phân tại trại nuôi.

4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

*- Chất thải rắn nguy hại:* Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh: bóng đèn huỳnh quang, pin thải, mực in,...ước tính khoảng 22kg/năm, cụ thể:

Bảng 7: Danh mục và số lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

| STT | Thành phần | Trạng thái tồn tại | Số lượng (kg/lứa) | Mã CTNH |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại | Rắn | 2 | 14 02 02 |
|  | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) | Rắn | 4 | 13 02 01 |
|  | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại  | Rắn | 3 | 19 06 01 |
|  | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | Lỏng | 5 | 17 02 03 |
|  | Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao bì, chai lọ vaccine) | Rắn | 5 | 18 01 03 |
|  | Bóng đèn huỳnh quang thải | Rắn | 3 | 16 01 06 |
|  | Gà chết do dịch bệnh | Rắn | KXĐ | 14 02 01 |
| Tổng số lượng |  | 22 |  |

*- Hình thức lưu trữ:* Chất thải nguy hại được chủ dự án thu gom, phân loại theo chủng loại trong các thùng chứa và lưu giữ tạm thời tại kho lưu giữ có diện tích 10m2, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường, có dán nhãn bao gồm các thông tin sau:

+ Tên CTNH, mã CTNH theo danh mục CTNH

+ Mô tả về nguy cơ do CTNH có thể gây ra

- Tần suất thu gom: 01 ngày/lần

- Tần suất chuyển giao: 06 tháng/lần

- Biện pháp xử lý:

+ Các loại chất thải nguy hại như: Bao bì đựng thuốc sát trùng; chai, lọ vắc-xin; ống kim tiêm... được Công ty cung cấp thuốc thú y tiến hành thu gom và trả về Công ty ngay sau khi sử dụng xong.

+ Các loại chất thải nguy hại khác: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu mỡ,... chủ đầu tư ký hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại để xử lý.

Chủ dự án cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, lưu chứa, phân loại chất thải theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Đối với gà chết do dịch bệnh: Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo với cơ quan thú y địa phương để tìm ra nguyên nhân gây chết và phòng tránh các bệnh dịch lây lan khác. Sau đó, tiến hành chôn lấp dưới sự chỉ đạo của cơ quan thú y. Việc chôn lấp đảm bảo đúng quy định QCVN 01-41:2011/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật.

5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

### 5.1. Các biện pháp kỹ thuật âm học

Biện pháp kỹ thuật âm học có thể xem là biện pháp nhằm tạo được môi trường âm thanh tiện nghi, môi trường làm việc có mức ồn đạt quy chuẩn, quy định. Các giải pháp kỹ thuật âm học cụ thể thường được áp dụng như sau:

- Thao tác bốc dỡ, vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm nhẹ nhàng.

- Thường xuyên bảo quản, sửa chữa kịp thời các máy móc, thiết bị theo định kỳ.

- Kiểm tra độ mòn chi tiết và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Các phương tiện vận tải ra vào trại nuôi phải giảm tốc độ.

- Hạn chế bóp còi khi xe lưu thông trong khu vực trại.

- Trồng cây xanh xung quanh trong khu vực trại nuôi, cây xanh ngoài chức năng tạo cảnh quan đẹp cho khu vực vừa có chức năng hút ẩm.

### 5.2. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do máy phát điện dự phòng

Để hạn chế mức độ ồn gây ra bởi máy phát điện khi vận hành máy, chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau:

- Gắn đế cao su và lò xo giảm chấn tại chân máy phát điện.

- Sử dụng vỏ cách âm cho máy phát điện và khí thải được phát tán ra ngoài môi trường thông qua ống khói cao.

- Nền để máy phát điện được xây dựng bằng xi măng mác cao, đào các rãnh xung quanh có đổ cát để ngăn cản độ rung trên sàn nhà.

- Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra máy móc, tra dầu mỡ và thay thế các chi tiết bị mài mòn.

**5.3. Đối với ô nhiễm tiếng ồn do gà kêu**

Quá trình cho gà ăn, uống được thực hiện bằng hệ thống tự động hoặc bán tự động nên nhu cầu thức ăn, nước uống cho gà được cung cấp đầy đủ, gà nuôi không bị đói nên hạn chế đáng kể tiếng kêu phát sinh.

Trồng cây xanh xung quanh khu vực trại nuôi, làm tăng cảnh quan khu vực đồng thời giảm ảnh hưởng của tiếng ồn đến môi trường xung quanh.

6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH.

6.1. Phòng chống sự cố hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải

6.1.1. Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

6.1.2. Đối với bể tự hoại và mương sinh học, hệ thống xử lý khí thải

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra hoạt động của bể tự hoại, làm sạch, thông tắc đường ống.

- Công nhân viên được tập huấn, đảm bảo khả năng vận hành trước khi giao vận hành hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

- Dự án thường xuyên kiểm tra, theo dõi để kịp thời phòng ngừa và ứng phó sự cố về hệ thống xử lý nước thải, khí thải.

6.1.3. Phòng chống sự cố đối với khu chứa chất thải

Xây dựng khu lưu giữ chất thải nguy hại có mái che, đề phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường.

Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

6.2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Để phòng chống các sự cố có thể xảy ra, chủ dự án sẽ xây dựng phương án phòng chống sự cố như sau:

- Hệ thống điện được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn về điện.

- Huấn luyện cho toàn thể công nhân các biện pháp PCCC.

- Trang bị thiết bị PCCC.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động cho những công nhân làm việc.

- Khu vực lưu trữ các chất dễ cháy được bố trí riêng.

- Không vứt tàn thuốc bừa bãi.

6.3. Phòng ngừa dịch bệnh

Phòng chống dịch bệnh cho Trại chăn nuôi là công việc rất quan trọng, là quan tâm hàng đầu nhằm chủ động ngăn chặn và tiêu diệt các mầm bệnh phát sinh. Vì vậy, trại nuôi có kế hoạch phòng chống dịch bệnh như sau:

6.3.1. Yêu cầu về sát trùng

Trại nuôi, hệ thống cống rãnh, khu vực kho chứa thức ăn, dụng cụ chăn nuôi được vệ sinh đảm bảo sát trùng triệt để theo quy định của thú y.

Trại nuôi, nhà kho sau khi được vệ sinh sát trùng được để khô, sau đó mới cho thức ăn vào.

Cổng ra vào được đóng kín và có hố sát trùng.

Hố sát trùng cho xe vận chuyển ra vào trại.

Trước lúc vào làm việc thay quần áo, giày dép đã sát trùng và rửa tay bằng dung dịch sát trùng.

Quần áo bảo hộ lao động được giặt sạch và sát trùng sau khi sử dụng.

6.3.2. Vệ sinh phòng bệnh

Trại nuôi có vành đai cách ly bên ngoài: Chủ dự án sẽ tiến hành xây dựng hàng rào bao quanh kín toàn bộ khu vực trại chăn nuôi và không cho các loại gia cầm, gia súc bên ngoài xâm nhập vào trại nuôi.

Các động vật cư trú truyền dịch bệnh cho đàn gà như chuột, chồn, côn trùng, chim tự nhiên,… được tiêu diệt theo hướng dẫn của thú y.

Thức ăn cho gà sạch, không bị vón cục.

Khi nghi ngờ gà bị ngộ độc thì ngừng cho ăn và báo cáo cán bộ thú y biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

Sau khi chuyển gà ra khỏi dãy trại nuôi hoặc bán đều vệ sinh trại sạch sẽ, để trống trại ít nhất 2 tuần mới thả gà đợt mới để nuôi tiếp.

6.3.3. Vệ sinh nguồn nước

Nguồn nước dùng nuôi gà đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Các thiết bị chứa nước định kỳ vệ sinh.

Bên cạnh đó, định kỳ kiểm tra chất lượng nước ngầm.

6.3.4. Vệ sinh thức ăn

Kho chứa thức ăn thông thoáng, nhiệt độ, độ ẩm thích hợp, định kỳ sát trùng.

Kho chứa có biện pháp chống mối mọt, chuột, côn trùng phá hoại.

Các thiết bị chứa thức ăn định kỳ sát trùng, tẩy uế, tránh tình trạng tồn trữ thức ăn cũ gây hư mốc.

6.3.5. Vệ sinh nhân lực

Người cũng là phương tiện trung gian truyền bệnh hoặc mang vi trùng. Một số bệnh có thể lây truyền từ người sang gà hoặc từ gà sang người. Vì vậy, định kì khám sức khỏe cho công nhân lao động tiếp xúc trực tiếp với đàn gà. Khi công nhân có dấu hiệu nhiễm bệnh, tiến hành đưa công nhân đến ngay trạm y tế gần nhất để thăm khám và chữa bệnh. Sau đó tiến hành phun thuốc tiêu độc khử trùng toàn bộ khu vực dự án để tránh tình trạng lan truyền dịch bệnh.

Ngoài ra, công nhân được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ trong quá trình chăn nuôi như: quần áo bảo hộ, giày ủng, găng tay,…

6.3.6. Vệ sinh dụng cụ, trang bị

Mỗi dãy trại có những vật dụng như: chổi, xô, xẻng, dụng cụ đựng thức ăn, không sử dụng chung với các dụng cụ khác, những vật dụng này được làm vệ sinh hàng ngày.

Các loại dụng cụ thú y cũng trang bị riêng cho từng khu nuôi, không dùng chung. Trước và sau khi sử dụng, sát trùng kỹ lưỡng. Một số dụng cụ thú y như: dao, kéo,… định kỳ kiểm tra độ sắc bén.

6.3.7. Phát hiện bệnh sớm

Tiến hành theo dõi và khám bệnh cho đàn gà trong trại để phát hiện ngay những con có dấu hiệu bệnh để có kế hoạch điều trị thích hợp. Việc phát hiện bệnh sớm có lợi cho công tác điều trị vì thông thường cứ phát hiện bệnh trễ thì mầm bệnh sẽ sinh sản nhanh, càng phát hiện trễ thì cơ thể gà bệnh càng bị suy nhược, khó điều trị.

Cách ly gà bệnh: khi gà bệnh có biện pháp cách ly gà khỏe mạnh với gà bệnh, có biện pháp tiêu độc tẩy uế kỹ trại gà bệnh. Biện pháp cách ly tích cực giúp hạn chế mầm bệnh lây lan.

Gà xuất khỏi trại phải có giấy chứng nhận sức khỏe và lịch dùng thuốc.

6.3.8. Điều trị bệnh sớm

Sau khi phát hiện và chuẩn đoán, nhanh chóng điều trị bằng thuốc hữu hiệu ngay từ đầu.

6.3.9. Ứng phó dịch bệnh và khắc phục sự cố, rủi ro

Khi phát hiện gà có biểu hiện lạ và chết trong trại chăn nuôi thì Chủ dự án sẽ báo cáo ngay tới các cơ quan thú y quản lý ở địa phương hoặc công ty cung cấp giống để kịp thời ứng cứu. Ngoài ra, trại nuôi thực hiện các biện pháp sau:

- Không đưa gà có biểu hiện bệnh, chết và chất thải của con gà ra khỏi trại chăn nuôi

- Đặt các điểm kiểm soát, khử trùng các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào trại trong thời gian có biểu hiện lạ.

- Cách ly gà bị bệnh để theo dõi, phun thuốc sát trùng trại nuôi nhằm giảm thiểu dịch bệnh lây lan. Tiêm ngừa phòng bệnh cho các con gà còn lại.

- Khi gà bị chết hàng loạt, chủ dự án báo ngay với Chi cục Thú y tỉnh Tây Ninh và các đơn vị khác có liên quan để có biện pháp hỗ trợ tiêu hủy hợp lý.

- Khi trại nuôi phát sinh sự cố như: phát sinh ruồi, muỗi, công nhân lập tức tiến hành dọn dẹp, vệ sinh, sát trùng trại. Đồng thời tiến hành rà soát quy trình chăn nuôi trong toàn trại nuôi để tránh phát sinh sự cố tiếp theo.

7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC: Không có.

8. BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI NGUỒN NƯỚC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI KHI CÓ HOẠT ĐỘNG XẢ NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

Dự án không có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi.

9. KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ, KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải có phương án cải tạo, phục phồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

10. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Dự án dự án “Trạng trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” tại ấp Thạnh Hiệp, xã Thạnh Bắc, huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã được Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh đã phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1085/QĐ-UBND ngày 19/5/2021.

Trong quá trình hoạt động, dự án có một số nội dung thay đổi, bổ sung so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

Bảng 8: Nội dung thay đổi so với Báo cáo ĐTM đã được phê duyệt

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung | Trong báo cáo ĐTM đã được phê duyệt | Phương án điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được phê duyệt |
| 1 | Chủ dự án | Ông Phạm Lê Tâm | Nhà đầu tư Phạm Lê Tâm – Huỳnh Thị Kim Hằng – Nguyễn Vũ Phương |
| 2 | Kho chứa cám, dụng cụ | 400 m2 | 560 m2 |
| 3 | Buồng xử lý khí thải | -- | 08 buồng, diện tích 560 m2 |
| 4 | Mương chứa nước mưa | 2.000 m2 | 5.600 m2 |
| 5 | Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt | -- | 12,8 m2 |
| 6 | Mương sinh học xử lý nước thải sinh hoạt | -- | 1,6 m2 |
| 7 | Bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải rửa chuồng gà | -- | 12,8 m2 |
| 8 | Mương sinh học xử lý nước thải vệ sinh chuồng trại | -- | 12,8 m2 |
| 9 | Đường nội bộ, sân bãi,… | 16.384,8 m2 | 11.772,4 m2 |
| 10 | Khu vực đất dự phòng chôn gà chết do dịch bệnh | -- | 200 m2 |

# CHƯƠNG IVNỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

*a) Nguồn phát sinh nước thải*

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên vận hành trang trại chăn nuôi gà, lưu lượng 1,6 m3/ngày.đêm.

- Nguồn số 2: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi 1, với lưu lượng 1 m3/lứa.

- Nguồn số 3: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi 2, với lưu lượng 1 m3/lứa

- Nguồn số 4: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi 3, với lưu lượng 1 m3/lứa

- Nguồn số 5: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi 4, với lưu lượng 1 m3/lứa

- Nguồn số 6: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi 5, với lưu lượng 1 m3/lứa

- Nguồn số 7: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi 6, với lưu lượng 1 m3/lứa

- Nguồn số 8: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi 7, với lưu lượng 1 m3/lứa

- Nguồn số 9: Nước thải vệ sinh chuồng nuôi 8, với lưu lượng 1 m3/lứa

- Nguồn số 10: Nước thải vệ sinh dụng cụ, rửa tay chân, với lưu lượng 2 m3/ngày.

- Nguồn số 11: Nước thải phun xịt sát trùng xe, với lưu lượng 0,6 m3/ngày.

- Nguồn số 12: Nước thải hệ thống phun sương xử lý mùi sau quạt hút dãy chuồng nuôi 1, với lưu lượng 0,1 m3/ngày.đêm.

- Nguồn số 13: Nước thải hệ thống phun sương xử lý mùi sau quạt hút dãy chuồng nuôi 2, với lưu lượng 0,1 m3/ngày.đêm.

- Nguồn số 14: Nước thải hệ thống phun sương xử lý mùi sau quạt hút dãy chuồng nuôi 3, với lưu lượng 0,1 m3/ngày.đêm.

- Nguồn số 15: Nước thải hệ thống phun sương xử lý mùi sau quạt hút dãy chuồng nuôi 4, với lưu lượng 0,1 m3/ngày.đêm.

- Nguồn số 16: Nước thải hệ thống phun sương xử lý mùi sau quạt hút dãy chuồng nuôi 5, với lưu lượng 0,1 m3/ngày.đêm.

- Nguồn số 17: Nước thải hệ thống phun sương xử lý mùi sau quạt hút dãy chuồng nuôi 6, với lưu lượng 0,1 m3/ngày.đêm.

- Nguồn số 18: Nước thải hệ thống phun sương xử lý mùi sau quạt hút dãy chuồng nuôi 7, với lưu lượng 0,1 m3/ngày.đêm.

- Nguồn số 19: Nước thải hệ thống phun sương xử lý mùi sau quạt hút dãy chuồng nuôi 8, với lưu lượng 0,1 m3/ngày.đêm.

*b) Lưu lượng xả nước thải tối đa*

Tổng lưu lượng nước thải tối đa phát sinh trong một ngày của trang trại chăn nuôi là 4,4 m3/ngày.đêm.

*c) Dòng nước thải*

- Dòng số 1: Nước thải sinh hoạt. Đây là nguồn thải chính yếu, nhưng phát sinh với lưu lượng ít nên được khống chế hiệu quả và có biện pháp xử lý cục bộ (xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn và mương sinh học, sau đó tái sử dụng để phục vụ tưới cây) các chỉ tiêu ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép Quy chuẩn hiện hành.

- Dòng số 2-9: Nước thải vệ sinh chuồng trại. Đây là nguồn thải chính yếu, nhưng phát sinh với lưu lượng ít vào cuối mỗi lứa nuôi nên được khống chế hiệu quả và có biện pháp xử lý cục bộ (xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn và mương sinh học, sau đó tái sử dụng để phục vụ tưới cây) các chỉ tiêu ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép Quy chuẩn hiện hành.

- Dòng số 10-11: Nước thải vệ sinh dụng cụ, rửa tay chân, phun xịt sát trùng xe. Lượng nước này được thu gom cho xuống mương nước tại nhà khử trùng xe (đáy mương nước được bê tông) nhằm mục đích khử trùng bánh xe trước khi ra vào trại.

- Dòng số 12-19: Nước thải hệ thống phun sương xử lý mùi sau quạt hút, với lưu lượng 0,8 m3/ngày.đêm cho 8 dãy chuồng nuôi. Đây là nguồn phát sinh không nhiều và tự bốc hơi.

*d) Các chất ô nhiễm và giá trí giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải*

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải sinh hoạt như bảng sau:

Bảng 9: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải sinh hoạt

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Thông số | Đơn vị | Giá trị giới hạnQCVN 14:2008/BTNMT (Cột A) |
| 1 | pH | - | 5-9 |
| 2 | Chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/L | 50 |
| 3 | TDS | mg/L | 500 |
| 4 | BOD5 (200C) | mg/L | 30 |
| 5 | Sunfua | mg/L | 1 |
| 6 | Amoni | mg/L | 5 |
| 7 | Nitrat | mg/L | 30 |
| 8 | Dầu mỡ động, thực vật | mg/L | 10 |
| 9 | Tổng các chất hoạt động bề mặt | mg/L | 5 |
| 10 | Phosphat | mg/L | 6 |
| 11 | Tổng Coliform | MPN/100mL | 3.000 |

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải chăn nuôi như bảng sau:

Bảng 10: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của nước thải chăn nuôi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Thông số | Đơn vị | Giá trị giới hạnQCVN 62-MT:2015/BTNMT (Cột A) |
| 1 | pH | - | 6-9 |
| 2 | Chất rắn lơ lửng (TSS) | mg/L | 50 |
| 3 | COD | mg/L | 100 |
| 4 | BOD5 (200C) | mg/L | 40 |
| 5 | Tổng Nitơ | mg/L | 50 |
| 6 | Tổng Coliform | MPN/100mL | 3.000 |

*đ) Vị trí, phương thức xả nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải*

- Vị trí xả thải:

+ Nguồn số 1: điểm xả nước thải sinh hoạt tại mương sinh học, tọa độ: X = 564254; Y = 1287101.

+ Nguồn số 2: điểm xả nước thải tại mương sinh học xử lý nước thải chăn nuôi cho dãy chuồng nuôi 01 và chuồng nuôi 02, tọa độ: X = 564091; Y = 1287125.

+ Nguồn số 3: điểm xả nước thải tại mương sinh học xử lý nước thải chăn nuôi cho dãy chuồng nuôi 03 và chuồng nuôi 04, tọa độ: X = 564112; Y = 1287169.

+ Nguồn số 4: điểm xả nước thải tại mương sinh học xử lý nước thải chăn nuôi cho dãy chuồng nuôi 05 và chuồng nuôi 06, tọa độ: X = 564132; Y = 1287206.

+ Nguồn số 5: điểm xả nước thải tại mương sinh học xử lý nước thải chăn nuôi cho dãy chuồng nuôi 07 và chuồng nuôi 08, tọa độ: X = 564148; Y = 1287239.

 *(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105030’ múi chiếu 30)*

- Phương thức xả thải: tự chảy

- Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ/ngày)

- Công trình xử lý nước thải ngoài phạm vi dự án: không có

2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

*a) Nguồn phát sinh khí thải chính đề nghị cấp phép*

- Nguồn số 1: Dãy chuồng nuôi 1: Khí thải từ quạt hút bên trong chuồng 01 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m3/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 2: Dãy chuồng nuôi 2: Khí thải từ quạt hút bên trong chuồng 02 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m3/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 3: Dãy chuồng nuôi 3: Khí thải từ quạt hút bên trong chuồng 03 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m3/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 4: Dãy chuồng nuôi 4: Khí thải từ quạt hút bên trong chuồng 04 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m3/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 5: Dãy chuồng nuôi 5: Khí thải từ quạt hút bên trong chuồng 05 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m3/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 6: Dãy chuồng nuôi 6: Khí thải từ quạt hút bên trong chuồng 06 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m3/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 7: Dãy chuồng nuôi 7: Khí thải từ quạt hút bên trong chuồng 07 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m3/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 8: Dãy chuồng nuôi 8: Khí thải từ quạt hút bên trong chuồng 08 thải ra môi trường, với lưu lượng 448.000 m3/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút).

- Nguồn số 9-10: Bụi và khí thải từ hoạt động của 02 máy phát điện dự phòng. Nguồn này hiếm khi xuất hiện (chỉ phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời lúc điện lưới quốc gia tại khu vực dự án bị mất điện, xảy ra vài lần mỗi năm, mỗi lần vài giờ) và có biện pháp xử lý cục bộ (máy đời mới có kiểm định chất lượng), hạn chế được lưu lượng và nồng độ khí thải, đảm bảo các chỉ tiêu ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép.

- Nguồn số 11: Khí thải phát sinh từ hố chôn gà chết. Đây là nguồn xuất hiện khi có gà chết trong trại và không cố định nên không xác định chính xác lưu lượng xả khí thải.

- Nguồn số 12: Bụi và khí thải từ các phương tiện cơ giới (xe vận chuyển nguyên liệu đầu vào và xuất bán gà, phương tiện đi lại cá nhân). Đây là nguồn thải chính yếu, nhưng là nguồn di động, được khống chế hiệu quả và có biện pháp xử lý cục bộ (giản cách mật độ, yêu cầu phương tiện đời mới, kiểm tra chứng nhận đăng kiểm và bảo dưỡng định kỳ) nên lưu lượng và nồng độ khí thải phát tán ra môi trường được kiểm soát tốt, các chỉ tiêu ô nhiễm nằm trong giới hạn cho phép Quy chuẩn hiện hành.

*b) Lưu lượng xả khí thải tối đa của các nguồn thải*

Nguồn khí thải sau các quạt hút (lưu lượng lớn nhất 44.800 m3/giờ) cuối mỗi chuồng nuôi phát sinh không liên tục mà chỉ phát sinh trong mỗi lứa nuôi; đồng thời các nguồn thải khác đều là nguồn di động và thời gian hoạt động không cố định, nên không xác định được chính xác lưu lượng xả khí thải tối đa tại một thời điểm nhất định.

*c) Dòng khí thải*

Dòng khí thải ra môi trường: các dòng khí thải sau hệ thống xử lý khí thải và mùi hôi của mỗi dãy chuồng nuôi.

*d) Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải*

Giá trị giới hạn đối với bụi và khí thải sau các quạt hút cuối mỗi chuồng nuôi:

Bảng 11: Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của khí thải

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thông số | Đơn vị | Thời gian trung bình | QCVN 06:2009/BTNMT |
| 1 | H2S | µg/m3 | 1 giờ | 42 |
| 2 | NH3 | µg/m3 | 1 giờ | 200 |

Giá trị giới hạn đối với bụi và khí thải từ phương tiện vận chuyển và máy phát điện dự phòng và các nguồn khác:

Bảng 12: Giá trị giới hạn đối với bụi và khí thải tại các nguồn thải

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính  | QCVN 05:2013/BTNMT(trung bình 1 giờ) |
| 1 | Bụi | mg/Nm3 | 300 |
| 2 | SO2 | mg/Nm3 | 350 |
| 3 | NOx | mg/Nm3 | 200 |
| 4 | CO | mg/Nm3 | 30.000 |

*đ) Vị trí, phương thức xả khí thải vào nguồn tiếp nhận khí thải*

- Vị trí xả thải:

+ Nguồn số 1: Tại điểm thoát khí thải phía trên buồng thu gom xử lý mùi của dãy chuồng nuôi 1; tọa độ: X = 564084; Y = 1287109.

+ Nguồn số 2: Tại điểm thoát khí thải phía trên buồng thu gom xử lý mùi của dãy chuồng nuôi 2; tọa độ: X = 564094; Y = 1287131.

+ Nguồn số 3: Tại điểm thoát khí thải phía trên buồng thu gom xử lý mùi của dãy chuồng nuôi 3; tọa độ: X = 564106; Y = 1287150.

+ Nguồn số 4: Tại điểm thoát khí thải phía trên buồng thu gom xử lý mùi của dãy chuồng nuôi 4; tọa độ: X = 564116; Y = 1287173.

+ Nguồn số 5: Tại điểm thoát khí thải phía trên buồng thu gom xử lý mùi của dãy chuồng nuôi 5; tọa độ: X = 564125; Y = 1287193.

+ Nguồn số 6: Tại điểm thoát khí thải phía trên buồng thu gom xử lý mùi của dãy chuồng nuôi 6; tọa độ: X = 564134; Y = 1287213.

+ Nguồn số 7: Tại điểm thoát khí thải phía trên buồng thu gom xử lý mùi của dãy chuồng nuôi 7; tọa độ: X = 564143; Y = 1287234.

+ Nguồn số 8: Tại điểm thoát khí thải phía trên buồng thu gom xử lý mùi của dãy chuồng nuôi 8; tọa độ: X = 564152; Y = 1287255.

+ Nguồn số 9: Tương ứng với nguồn khí thải máy phát điện dự phòng 01, tọa độ: X = 564237; Y = 1287083.

+ Nguồn số 10: Tương ứng với nguồn khí thải máy phát điện dự phòng 02, tọa độ: X = 564234; Y = 1287078.

+ Nguồn số 11: Tương ứng với nguồn khí thải tại hố chôn gà chết, tọa độ: X = 564097; Y = 1287190.

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105030’ múi chiếu 30)*

- Phương thức xả thải: xả cưỡng bức thông qua các quạt hút sau mỗi chuồng nuôi, qua ống xả khí và phương tiện cơ giới và cả máy phát điện dự phòng, thải trực tiếp ra môi trường không khí xung quanh khu vực hoạt động.

- Chế độ xả thải: gián đoạn

- Công trình xử lý khí thải trong và ngoài phạm vi dự án: không có

## 3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

*a) Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung chính đề nghị cấp phép*

- Nguồn số 1: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 1.

- Nguồn số 2: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 2.

- Nguồn số 3: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 3.

- Nguồn số 4: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 4.

- Nguồn số 5: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 5.

- Nguồn số 6: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 6.

- Nguồn số 7: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 7.

- Nguồn số 8: Phát sinh từ hoạt động của chuồng nuôi 8.

- Nguồn số 9-10: Tiếng ồn và độ rung từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng. Nguồn này hiếm khi xuất hiện (vài lần mỗi năm, mỗi lần vài giờ) và có biện pháp xử lý cục bộ (máy đời mới có kiểm định chất lượng), nên đảm bảo được tiếng ồn và độ rung nằm trong giới hạn cho phép.

- Nguồn số 11: Tiếng ồn và độ rung từ các phương tiện cơ giới (gồm xe vận chuyển nguyên liệu đầu vào và xuất bán gà, phương tiện đi lại các nhân). Đây là nguồn chính, được khống chế hiệu quả và biện pháp xử lý cục bộ (giản cách mật độ, yêu cầu phương tiện đời mới, kiểm tra đăng kiểm và bảo dưỡng) nên tiếng ồn và rung nằm trong giới hạn cho phép Quy chuẩn hiện hành.

*b) Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung*

Các nguồn thải trên nếu được khống chế tốt và xử lý cục bộ bằng các biện pháp quản lý kỹ thuật hợp lý thì tiếng ồn và độ rung sẽ đạt giới hạn cho phép của QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung.

Bảng 13: Giá trị giới hạn đối với độ ồn

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | QCVN 24:2016/BYT Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc |
| Tiếng ồn | dBA | ≤ 85 |

Bảng 14: Giá trị giới hạn đối với độ rung

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | QCVN 27:2010/BTNMT  (khu vực thông thường) |
| Độ rung | dB | 70 dB từ 6 giờ - 21 giờ; 60 dB từ 21 giờ - 6 giờ |

*c) Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung*

- Nguồn 1: Dãy chuồng nuôi 1, tọa độ: X = 564084; Y = 1287109

- Nguồn 2: Dãy chuồng nuôi 2, tọa độ: X = 564094; Y = 1287131

- Nguồn 3: Dãy chuồng nuôi 3, tọa độ: X = 564106; Y = 1287150

- Nguồn 4: Dãy chuồng nuôi 4, tọa độ: X = 564116; Y = 1287173

- Nguồn 5: Dãy chuồng nuôi 5, tọa độ: X = 564125; Y = 1287193

- Nguồn 6: Dãy chuồng nuôi 6, tọa độ: X = 564134; Y = 1287213

- Nguồn 7: Dãy chuồng nuôi 7, tọa độ: X = 564143; Y = 1287234

- Nguồn 8: Dãy chuồng nuôi 8, tọa độ: X = 564152; Y = 1287255

- Nguồn 9: Máy phát điện dự phòng số 1, tọa độ: X = 564237; Y = 1287083

- Nguồn 10: Máy phát điện dự phòng số 2, tọa độ: X = 564234; Y = 1287078

*(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105030’ múi chiếu 30)*

## 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN SINH HOẠT, CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG VÀ CHẤT THẢI RẮN NGUY HẠI

### 4.1. Khối lượng chất thải rắn phát sinh

a) Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh

Bảng 15: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nguồn phát sinh | Định mức(kg/người.ngày) | Khối lượng(kg/ngày) | Khối lượng(kg/lứa) |
| 1 | Hoạt động sinh hoạt hàng ngày của 16 công nhân làm việc tại trang trại chăn nuôi | 0,3 | 4,8 | 216 |

b) Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Bảng 16: Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên chất thải | Trạng thái tồn tại(rắn/lỏng/bùn) | Khối lượng chất thải phát sinh |
| 1 | Phân gà trộn lẫn trấu sau mỗi đợt nuôi | Rắn | 800 tấn/lứa |
| 2 | Xác gà chết trong quá trình chăm sóc | Rắn | 640 con/lứa |
| 3 | Bao bì đựng thức ăn | Rắn | 3 kg/ngày |

c) Khối lượng chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Bảng 17: Danh mục và số lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thành phần | Trạng thái tồn tại | Số lượng (kg/lứa) | Mã CTNH |
| 1 | Chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại | Rắn | 2 | 14 02 02 |
| 2 | Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn) | Rắn | 4 | 13 02 01 |
| 3 | Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải thải bị nhiễm các thành phần nguy hại  | Rắn | 3 | 19 06 01 |
| 4 | Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải | Lỏng | 5 | 17 02 03 |
| 5 | Bao bì cứng thải bằng nhựa (bao bì, chai lọ vaccine) | Rắn | 5 | 18 01 03 |
| 6 | Bóng đèn huỳnh quang thải | Rắn | 3 | 16 01 06 |
| 7 | Gà chết do dịch bệnh | Rắn | KXĐ | 14 02 01 |
| Tổng số lượng |  | 22 |  |

### 4.2. Lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

*a) Thiết bị lưu chứa*

Bố trí các thùng rác loại 10 – 20 lít tại các khu vực cố định trong khu vực trang trại để thu gom rác. Sau đó được công nhân vận chuyển về điểm tập kết chất thải của trang trại.

- Thùng màu xanh: Chứa chất thải hữu cơ.

- Thùng màu vàng: Chứa các thành phần vô cơ.

*b) Khu vực tập kết*

Tại điểm tập kết chất thải, các thành phần chất thải có thể tái sử dụng như giấy vụn, kim loại, chai nhựa,...sẽ được thu gom và bán phế liệu.

Các thành phần chất thải còn lại sẽ được thu gom và đốt. Đối với dự án, phương án tạm thời là đem đốt lượng rác thải sinh hoạt là phương án tối ưu. Tại thời điểm hiện tại, khu vực xây dựng trang trại chưa có đơn vị thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào đến nơi để thu gom, do đó lượng rác thải này chủ dự án sẽ tự thu gom và xử lý bằng cách đốt là phương án được lựa chọn. Nếu trong giai đoạn tới, khu vực có đơn vị đến thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt xử lý theo quy định. Chủ dự án sẽ tiến hành ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

*c) Tần suất thu gom:* 1 ngày/lần

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường (không nguy hại)

*a) Thiết bị lưu chứa:*

Phân gà và trấu sau mỗi đợt nuôi sẽ được thu gom, đóng bao loại 50 kg và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng làm phân bón.

Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi được thu gom tận dụng để chứa phân gà lẫn trấu sau mỗi lứa nuôi hoặc bán cho đơn vị có nhu cầu. Các loại phế liệu được lưu trong khu vực chứa và bán cho đơn vị có nhu cầu.

Đối với gà chết sẽ được công nhân tại trại chăn nuôi thu gom và xử lý tại hầm hủy xác có nắp đậy kín.

*b) Khu vực tập kết*

Phân gà được ủ tại chổ (trong chuồng nuôi cùng với trấu), sau khi xuất gà, chủ dự án thu gom sạch sẽ, đóng bao bán cho các đơn vị có nhu cầu.

Các loại bao bì đựng thức ăn chăn nuôi, rác tái chế được đưa về khu vực tập kết phân loại bán cho đơn vị thu mua phế liệu tại địa phương; bao đựng thức ăn được tái sử dụng cho đựng phân gà tại dự án.

Gà chết không do dịch bệnh được thu gom đem chôn lấp hợp vệ sinh.

*c) Tần suất thu gom:* Hàng này đối với bao bì, gà chết; định kỳ sau mỗi lứa nuôi đối với phân và trấu.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

*a) Thiết bị lưu chứa*

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng tường gạch, nền xi măng có mái che, có cửa khóa, có phân ô hoặc bộ phận riêng cho từng loại CTNH hoặc nhóm CTNH có cùng tính chất để cách ly với các loại hoặc nhóm khác, tránh khả năng gây phản ứng hóa học với nhau bằng vách không cháy cao hơn chiều cao xếp CTNH. Trước cửa có biển cảnh báo “Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại”.

Trong từng ô hoặc bộ phận riêng có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại CTNH được lưu giữ theo TCVN 6707 – 2009 về chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo phòng ngừa với kích thước ít nhất 30cm mỗi chiều, vật liệu, mực của dấu hiệu và các dòng chữ không bị mờ hoặc phai màu.

Thiết bị lữu giữ phải có vỏ chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với CTNH chứa bên trong, kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước ít nhất 30 cm mỗi chiều, được in rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu.

Bao bì lưu giữ sẽ được dán nhãn rõ ràng, dễ đọc, không bị mờ và phai màu. Nhãn bao gồm các thông tin sau: tên và mã CTNH, ngày bắt đầu được đóng gói, dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo TCVN 6707 – 2009, với kích thước 5 cm mỗi ngày.

*b) Khu vực lưu chứa trong nhà*

Bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại rộng khoảng 5m2 trong kho chứa chất thải tập trung của dự án, có vách ngăn tách biệt với các loại chất thải khác.

*c) Tần suất thu gom:* 6 tháng/lần, đơn vị có chức năng thu gom chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh hoặc vùng lân cận sẽ đến mang đi xử lý đúng quy định.

CHƯƠNG V
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

## 1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

### 1.1. Xác định công trình xử lý chất thải cần phải vận hành thử nghiệm

Theo đề xuất ở Chương IV thì Dự án sẽ đầu tư xây dựng 01 công trình xử lý chất thải chính sau đây:

- 08 Buồng thu gom khí thải, mùi hôi sau các quạt hút được thiết kế khung thép, vách tôn bao quanh. Phía trên buồng được thiết kế hệ thống phun sương với chế phẩm khử mùi EM nhằm giảm thiểu mùi hôi, làm sạch không khí trước khi thoát ra bên ngoài.

Căn cứ theo Điểm d, Khoản 1, Điều 31 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường: “*Bể tự hoại 3 ngăn và bể lắng lọc 3 ngăn là các công trình xử lý chất thải không phải thực hiện vận hành thử nghiệm, theo quy định tại khoản 3 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17/11/2020”*.

Như vậy, dự án cần vận hành thử nghiệm duy nhất 1 công trình xử lý chất thải, đó là hệ thống xử lý khí thải và mùi hôi phát sinh sau các dãy chuồng nuôi đảm bảo đạt QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

### 1.2. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải

Chủ dự án lập kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải của dự án như sau:

Bảng 18: Kế hoạch vận hành, thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Kế hoạch chi tiết/công tác | Thời điểm bắt đầu | Thời điểm kết thúc | Công suất dự kiến đạt được |
| 1 | Triển khai thi công, lắp đặt buồng thu gom khí thải và mùi hôi | Tháng 03/2023 | Tháng 5/2023 | - |
| 2 | Bắt đầu quá trình vận hành thử nghiệm | Tháng 5/2023 | Đầu tháng 7/2023 | 80% |
| 3 | Kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm | - | Cuối tháng 7/2023 | 100% |

### 1.3. Kế hoạch quan trắc khí thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý khí thải

Căn cứ kế hoạch vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải ở bảng trên ta có thể xác định kế hoạch quan trắc khí thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý khí thải như sau:

- Thời gian dự kiến lấy mẫu khí thải sau xử lý, trước khi thải ra ngoài môi trường xung quanh: từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2023.

- Mẫu tổ hợp và mẫu đơn, tần suất và thông số quan trắc trong kế hoạch quan trắc chất thải quy định tại mục 1 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Cụ thể:

+ Do công trình, thiết bị xử lý chất thải quy mô nhỏ, nên chủ dự án chỉ lấy mẫu đơn để quan trắc. Thời gian, tần suất lấy mẫu thực hiện theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định.

+ Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Trung tâm quan trắc môi trường Tây Ninh hoặc đơn vị khác có đủ năng lực chuyên môn.

+ Tần suất và thông số quan trắc: Trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình xử lý khí thải: 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

* Tần suất quan trắc khí thải và số lượng mẫu: 15 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu đơn đầu ra sau hệ thống xử lý khí thải).
* Vị trí quan trắc: 01 vị trí sau quạt hút của các dãy chuồng nuôi.
* Thông số quan trắc: H2S, NH3.

+ Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải: 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh.

* Tần suất quan trắc khí thải và số lượng mẫu: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy mẫu và phân tích 01 mẫu đơn của đầu ra sau hệ thống xử lý khí thải trong 07 ngày liên tiếp).
* Vị trí quan trắc: 01 vị trí sau quạt hút của các dãy chuồng nuôi.
* Thông số quan trắc: H2S, NH3.

**2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI THEO QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT**

**2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chủ dự án sẽ thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ khi dự án đi vào hoạt động khai thác như sau:

**Bảng 19: Chương trình quan trắc môi trường định kỳ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung/Vị trí lấy mẫu** | **Thông số quan trắc/công trình giám sát** | **Tần suất** | **Tiêu chuẩn so sánh** |
| ***1. Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt*** |
| Giám sát chất lượng nước thải sinh hoạt | Mương sinh học | Thường xuyên | QCVN 14:2008/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt |
| ***2. Giám sát chất lượng nước thải chăn nuôi*** |
| Giám sát chất lượng nước thải chăn nuôi | Mương sinh học | Thường xuyên | QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi |
| ***3. Giám sát chất lượng khí thải*** |
| 01 điểm phía chuồng nuôi (buồng xử lý khí thải) | H2S, NH3 | 06 tháng/lần | QCVN 06:2009/BTNMT– Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh. |
| ***4. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại*** |
| Kiểm kê kho chứa chất thải tập trung của dự án: khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại. | Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận từ loại chất thải | Thường xuyên, liên tục | Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 |

Trong quá trình thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ, chủ đầu tư sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng quan trắc môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hành nghề quan trắc.

**2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải**

- Dự án “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” không thuộc nhóm các dự án phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục chất thải.

**2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ dự án**

- Không có hoạt động quan trắc nào khác

**3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM**

Chủ dự án sẽ bố trí kinh phí thực hiện quan trắc thành phần môi trường của dự án theo quy định, cụ thể như sau:

**Bảng 20: Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của dự án**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Chương trình giám sát | Vị trí | Số lần/năm | Chi phí(VNĐ) | Thành tiền(VNĐ) |
| 1 | Giám sát môi trường nước thải sinh hoạt và chăn nuôi | Hệ thống, công trình thu gom, xử lý | Thường xuyên | 12.000.000 | 12.000.000 |
| 2 | Giám sát khí thải | 01 | 02 | 12.000.000 | 12.000.000 |
| 3 | Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại | Hệ thống, công trình thu gom, xử lý | Thường xuyên | 10.000.000 | 10.000.000 |
| 4 | Tổng hợp viết báo cáo |  | 02 | 3.000.000 | 6.000.000 |
| TỔNG CỘNG |  |  |  | 40.000.000 |

# CHƯƠNG VICAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư Phạm Lê Tâm – Huỳnh Thị Kim Hằng – Nguyễn Vũ Phương là chủ đầu tư của dự án “Trang trại chăn nuôi gà theo mô hình trại lạnh khép kín” cam kết:

- Về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Về xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan./.

# PHỤ LỤC